

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Tầng 20, Tòa nhà Sun Wah, số 115 Nguyễn Huệ, P.Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM

ĐT: 028.36221025 Fax: 028.36367100

-----*****-----

BÁO CÁO
TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ
QUÝ 4/2018

THÁNG 01/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.895.307.902.583	2.594.464.932.480
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	150.623.832.159	243.343.487.530
1. Tiền	111		150.623.832.159	202.201.382.642
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	41.142.104.888
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	79.673.766.741
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	15.d	-	79.673.766.741
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.673.823.081.128	2.197.105.114.269
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6.a	215.277.276.031	215.277.276.031
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	160.753.653.367	3.531.092.682
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8.a	1.536.071.975.877	1.642.856.141.040
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	811.769.085.800	344.076.832.883
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10.a	(50.048.909.947)	(8.636.228.367)
IV. Hàng tồn kho	140		69.972.766.356	71.726.747.624
1. Hàng tồn kho	141	11	69.972.766.356	71.726.747.624
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		888.222.940	2.615.816.316
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18.a	888.222.940	2.615.816.316

CÔNG TY MẸ-CTY CP ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM

Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, quận 1, tp.HCM

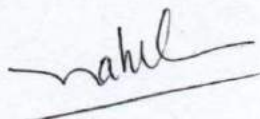
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.930.395.376.770	5.444.379.467.553
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.530.380.139.543	944.098.298.813
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6.b	215.000.000.000	215.000.000.000
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	8.b	714.128.743.353	127.679.740.953
3. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	601.251.396.190	642.831.239.440
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	10.b	-	(41.412.681.580)
II. Tài sản cố định	220		1.093.593.770	1.385.218.770
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.093.593.770	1.385.218.770
- Nguyên giá	222		5.380.773.400	5.380.773.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.287.179.630)	(3.995.554.630)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	-	-
- Nguyên giá	228		1.058.840.204.896	1.058.840.204.896
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.058.840.204.896)	(1.058.840.204.896)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.833.501.315	9.056.590.794
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	2.833.501.315	9.056.590.794
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	5.395.276.927.877	4.489.608.842.456
1. Đầu tư vào công ty con	251	15.a	3.994.367.338.154	3.401.091.217.771
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	15.b	1.363.022.074.160	841.772.711.553
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15.c	67.387.515.563	96.244.913.132
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	15.c	(29.500.000.000)	(29.500.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	15.d	-	180.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		811.214.265	230.516.720
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	811.214.265	230.516.720
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		9.825.703.279.353	8.038.844.400.033

CÔNG TY MẸ-CTY CP ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM

Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, quận 1, tp.HCM

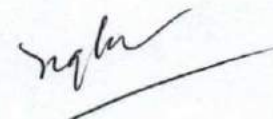
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		6.884.801.253.553	5.124.931.127.362
I. Nợ ngắn hạn	310		4.436.563.358.782	2.462.178.292.708
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17.a	142.382.475.528	7.176.408.945
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.613.874.873	2.292.076.837
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18.b	993.997.795	1.391.011.476
4. Phải trả người lao động	314		832.610.905	1.388.874.534
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	2.077.706.734.578	1.487.783.457.381
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20.a	2.182.759.249.844	922.787.716.942
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		30.274.415.259	39.358.746.593
II. Nợ dài hạn	330		2.448.237.894.771	2.662.752.834.654
1. Phải trả người bán dài hạn	331	17.b	-	141.295.510.800
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20.b	1.086.774.326.826	1.157.387.755.909
3. Trái phiếu chuyển đổi	339	21	1.361.463.567.945	1.364.069.567.945
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.940.902.025.800	2.913.913.272.671
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	2.940.902.025.800	2.913.913.272.671
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.830.432.730.000	2.798.064.150.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.830.432.730.000	2.798.064.150.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		385.422.992.877	385.185.572.877
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		5.968.432.055	5.968.432.055
4. Cổ phiếu quỹ	415		(851.997.873.500)	(804.209.093.000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		193.013.957.959	193.013.957.959
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		378.061.786.409	335.890.252.780
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		335.890.252.780	207.000.826.572
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		42.171.533.629	128.889.426.208
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		9.825.703.279.353	8.038.844.400.033

Người lập biểu



NG.T.TUYẾT NHUNG

Kế toán trưởng



NG.T.MAI HƯƠNG

TPHCM, ngày 22 tháng 07 năm 2019

Tổng Giám đốc



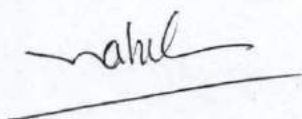
LÊ QUỐC BÌNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

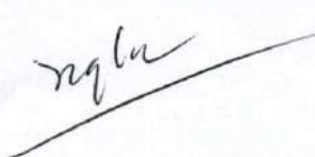
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ 01/01 đến 31/12	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	-	89.717.535.000	471.943.636	374.526.800.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	-	9.542.674.610	-	41.193.977.678
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	23	-	80.174.860.390	471.943.636	333.332.822.322
4. Giá vốn hàng bán	11	24	-	102.688.257.307	2.643.808.425	294.309.652.907
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		-	(22.513.396.917)	(2.171.864.789)	39.023.169.415
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	156.021.884.334	121.726.692.592	515.380.624.662	448.529.516.519
7. Chi phí tài chính	22	26	125.795.418.578	79.357.877.577	442.137.177.989	340.628.172.487
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		116.441.517.598	96.459.779.131	410.488.151.212	315.079.997.164
8. Chi phí bán hàng	25	27	-	1.601.561.231	-	3.991.318.680
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	(2.604.384.720)	7.716.442.576	24.709.897.930	41.763.702.263
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		32.830.850.476	10.537.414.291	46.361.683.954	101.169.492.504
11. Thu nhập khác	31		(187.873.796)	3	116.914.656	3
12. Chi phí khác	32		2.687.735.901	3.293.970.002	3.066.865.526	3.312.594.396
13. Lỗ khác (40=31 - 32)	40		(2.875.609.697)	(3.293.969.999)	(2.949.950.870)	(3.312.594.393)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		29.955.240.779	7.243.444.292	43.411.733.084	97.856.898.111
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	1.240.199.455	-	1.240.199.455	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50- 51-52)	60		28.715.041.324	7.243.444.292	42.171.533.629	97.856.898.111

Người lập biểu



NG.T.TUYẾT NHUNG

Kế toán trưởng



NG.T.MAI HƯƠNG

TP.HCM, ngày 28 tháng 12 năm 2019



Tổng Giám đốc



LÊ QUỐC BÌNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho niên độ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
1	2	3	4
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	43.411.733.084	97.856.898.111
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	2	291.625.000	287.204.694.491
Các khoản dự phòng	3	-	340.550.585
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	(385.081.830)	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(514.884.942.832)	(438.950.089.522)
Chi phí lãi vay	6	410.488.151.212	315.079.997.164
Các khoản điều chỉnh khác	7	-	16.680.964.519
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	(61.078.515.366)	278.213.015.348
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	(7.258.429.702)	(43.229.680.000)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	2.643.808.425	-
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(145.394.304.725)	231.603.027.043
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(580.697.545)	1.221.566.194
Tiền lãi vay đã trả	14	(227.822.235.577)	(261.007.414.781)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(22.488.187.298)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(439.490.374.491)	184.312.326.506
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(7.059.154.125)	(22.787.348.858)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	6.666.582.044	702.000.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.605.040.107.786)	(2.874.836.595.752)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.267.079.077.456	1.446.022.302.794
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.272.899.088.938)	(1.834.358.583.956)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.754.396.438	320.325.909.304
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	55.881.342.823	77.727.076.727
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.553.616.952.088)	(2.185.907.239.741)

CÔNG TY MẸ-CTY CP ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM

Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, quận 1, tp.HCM

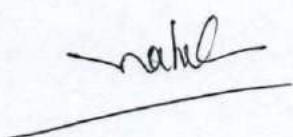
CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
1	2	3	4
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	30.000.000.000	-
2. Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(47.788.780.500)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	3.815.199.611.422	4.751.240.765.757
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.896.680.066.156)	(2.467.648.401.249)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(343.093.558)	(287.712.972.221)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.900.387.671.208	1.995.879.392.287
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(92.719.655.371)	(5.715.520.948)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	243.343.487.530	249.059.008.478
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	150.623.832.159	243.343.487.530

Người lập biểu

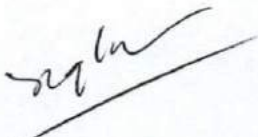
Kế toán trưởng

TP.HCM, ngày 22 tháng 07 năm 2019

Tổng Giám đốc



NG.T.TUYẾT NHUNG



NG.T.MAI HƯƠNG



LÊ QUỐC BÌNH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: đồng

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000747 ngày 24 tháng 12 năm 2001 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và qua các lần thay đổi. Vốn điều lệ của Công ty là 2.830.432.730.000 đồng, được chia thành 283.043.273 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 77.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là :

- Ngành nghề kinh doanh của Công ty là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); kinh doanh bất động sản; thực hiện thu phí giao thông đường bộ; sản xuất, mua bán các thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực thu phí giao thông và xây dựng; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình đường ống thoát nước.

- Hoạt động chính của Công ty là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); thực hiện thu phí giao thông đường bộ; đầu tư và quản lý các công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Những nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Báo cáo tài chính được lập theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, dự phòng phải trả, các khoản vay và trái phiếu phát hành.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo cam kết hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 do Bộ Tài chính ban hành.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm giá trị của các quyền thu phí giao thông và phần mềm máy tính.

Quyền thu phí giao thông là tài sản cố định vô hình có được từ các hợp đồng B.O.T được ký giữa Công ty và Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh do Sở tài chính làm đại diện. Nguyên giá của tài sản được xác định theo giá trị quyết toán giữa Công ty và Sở Tài chính trên cơ sở là các chi phí mà Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư xây dựng các dự án theo hợp đồng đã ký.

Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo tỷ trọng doanh thu, theo đó giá trị trích khấu hao hàng năm được tính bằng nguyên giá nhân với tỷ lệ giữa doanh thu thu được hàng năm và tổng doanh thu ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính và chứng khoán

Các khoản đầu tư vào công ty con

Các công ty được xem là công ty con của Công ty khi Công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó.

CÔNG TY MẸ-CTY CP ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM**Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, quận 1, tp.HCM**

Tại ngày 31/12/2018, Công ty có các công ty con như sau :

Tên Công ty	Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1.Công ty CP Đầu tư và Xây dựng cầu đường Bình Triệu (Công ty Bình Triệu)	98,85%	98,85%
2.Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ (Công ty Điện Biên Phủ)	100,00%	100,00%
3.Công ty CP Đầu tư Cầu đường CII (Công ty CII B&R)	54,40%	54,40%
4.Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII (Công ty CII E&C)	54,97%	54,97%
5.Công ty CP Hạ tầng Nước Sài Gòn (Công ty SII)	50,61%	50,61%
6.Công ty CP Đầu tư hạ tầng kỹ thuật Vinaphil (Công ty VPIL)	99,99%	99,99%
7.Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng	100,00%	100,00%
8.Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia (Công ty Địa Ốc Lữ Gia)	100,00%	100,00%
9.Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm (Công ty Bắc Thủ Thiêm)	100,00%	100,00%

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31/12/2018 , Công ty có các công ty liên kết như sau :

Tên Công ty	Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1.Công ty Cổ phần Hòa Phú	30,00%	30,00%
2.Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng xa lộ Hà Nội (Công ty HNHC)	49,00%	49,00%
3.Công ty Cổ phần Đầu tư năm bảy bảy (Công ty NBB)	44,13%	44,13%

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm chi phí phát hành, bảo lãnh phát hành trái phiếu, chi phí bảo dưỡng đường xá, di dời trạm, chi phí in vé cầu đường, chi phí công cụ, dụng cụ ... Các chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng, trong đó chi phí phát hành và bảo lãnh phát hành trái phiếu được phân bổ theo thời hạn của trái phiếu, các chi phí khác phân bổ trong thời hạn từ 2 đến 3 năm.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các dự án B.O.T trong giai đoạn khai thác hoàn vốn sẽ được ghi nhận là một khoản chi phí trả trước và được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ doanh thu hàng năm của dự án.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biểu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội Đồng Cổ đông hàng năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu là lãi tiền gửi, tiền cho vay và cổ tức, lợi nhuận từ đầu tư chứng khoán và đầu tư vào công ty con, công ty liên kết. Lãi tiền gửi, tiền cho vay ghi nhận trên cơ sở dồn tích, lãi tiền gửi ngân hàng được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng theo thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng; lãi tiền cho vay được tính căn cứ vào số dư khoản cho vay và lãi suất phù hợp với, hợp đồng vay; cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi có thông báo chia cổ tức của đơn vị nhận đầu tư và công ty con.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

5 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tiền mặt	110.975.240	46.116.512
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	150.512.856.919	202.155.266.130
Các khoản tương đương tiền	-	41.142.104.888
Cộng	150.623.832.159	243.343.487.530

6 PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu từ việc bán phần vốn trong công ty TNHH MTV Trường Thuận Phát	215.000.000.000	215.000.000.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	277.276.031	277.276.031
	215.277.276.031	215.277.276.031
b. Dài hạn		
Phải thu từ việc bán phần vốn trong công ty TNHH MTV Trường Thuận Phát	215.000.000.000	215.000.000.000
Cộng	430.277.276.031	430.277.276.031

7 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty Cổ phần Hoàng An	158.373.605.948	-
Các đối tượng khác	2.380.047.419	3.531.092.682
Cộng	160.753.653.367	3.531.092.682

8 PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu các bên liên quan (*)	975.732.605.123	1.298.750.963.606
Công ty CP thương mại nước giải khát Khánh An	171.234.193.320	-
Công ty CP Chứng Khoán Việt Thành	45.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	344.105.177.434	344.105.177.434
	1.536.071.975.877	1.642.856.141.040
b. Dài hạn		
Phải thu các bên liên quan (**)	714.128.743.353	102.028.743.353
Các khoản hợp tác đầu tư vốn vào các dự án khác	-	25.650.997.600
	714.128.743.353	127.679.740.953
Cộng	2.250.200.719.230	1.770.535.881.993

CÔNG TY MẸ-CTY CP ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM

Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, quận 1, tp.HCM

*Chi tiết phải thu các bên liên quan**a. Ngắn hạn*

Công ty CII B&R	848.559.130.000	899.036.130.000
Công ty HNHC	21.584.078.710	392.164.833.606
Công ty Điện Biên Phủ	105.589.396.413	-
Công ty Địa ốc Lữ gia	-	7.550.000.000
	975.732.605.123	1.298.750.963.606

b. Dài hạn

Công ty NBB	112.028.743.353	102.028.743.353
Công ty Bình Triệu	96.600.000.000	-
Công ty CP BOT Trung Lương Mỹ Thuận	505.500.000.000	-
	714.128.743.353	102.028.743.353

9 PHẢI THU KHÁC

31/12/2018

01/01/2018

VND

VND

a. Ngắn hạn

Phải thu về lãi trái phiếu, tiền gửi và các khoản cho vay	273.456.843.647	130.782.984.684
Ký cược, ký quỹ	47.330.640.263	-
Nợ gốc trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng đã đáo hạn	41.412.681.580	-
Các khoản chi hộ	-	564.511.200
Vốn góp theo hợp đồng BCC	21.151.822.600	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	428.099.728.799	205.466.769.798
Phải thu người lao động	262.100.000	79.000.000
Các khoản phải thu khác	55.268.911	7.183.567.201
	811.769.085.800	344.076.832.883

b. Dài hạn

Vốn góp vào dự án Diamond Riverside theo hợp đồng BCC	492.869.280.000	492.869.280.000
Ký cược, ký quỹ	108.382.116.190	108.549.277.860
Nợ gốc trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng đã đáo hạn	-	41.412.681.580
	601.251.396.190	642.831.239.440

Cộng**1.413.020.481.990****986.908.072.323***Trong đó, phải thu các bên liên quan*

Công ty CII B&R	134.741.878.434	-
Công ty Điện Biên Phủ	8.879.412.693	-
Công ty Bắc Thủ Thiêm	154.002.741.368	-
Công ty Bình Triệu	353.547.945	-
Công ty CP BOT Trung Lương Mỹ Thuận	26.814.620.253	-
Công ty NBB	61.205.634.085	38.037.816.084
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng	21.787.904.668	12.000.000.000
Công ty HNHC	203.553.187.484	205.489.364.467
Công ty CII E&C	-	21.165.112.000
Công ty Địa ốc Lữ gia	-	11.939.930.556
Ông Phùng Văn Hiền	56.858.088	-
Cộng	611.395.785.018	288.632.223.107

10 CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu ngắn hạn khác	(50.048.909.947)	(8.636.228.367)
b. Dài hạn		
Phải thu dài hạn khác	-	(41.412.681.580)
Cộng	(50.048.909.947)	(50.048.909.947)

11 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi phí các dự án đang đầu tư	69.972.766.356	71.726.747.624
Cộng	69.972.766.356	71.726.747.624

CÔNG TY MẸ-CTY CP ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM

Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, quận 1, tp.HCM

12 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2018	176.846.400	5.168.827.000	35.100.000	5.380.773.400
Tại ngày 31/12/2018	<u>176.846.400</u>	<u>5.168.827.000</u>	<u>35.100.000</u>	<u>5.380.773.400</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2018	176.846.400	3.783.608.230	35.100.000	3.995.554.630
Khấu hao trong năm	-	291.625.000	-	291.625.000
Tại ngày 31/12/2018	<u>176.846.400</u>	<u>4.075.233.230</u>	<u>35.100.000</u>	<u>4.287.179.630</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2018	-	1.385.218.770	-	1.385.218.770
Tại ngày 31/12/2018	<u>-</u>	<u>1.093.593.770</u>	<u>-</u>	<u>1.093.593.770</u>

13 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền thu phí giao thông
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2018	1.058.840.204.896
Tại ngày 31/12/2018	<u>1.058.840.204.896</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2018	1.058.840.204.896
Khấu hao trong năm	-
Tại ngày 31/12/2018	<u>1.058.840.204.896</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2018	-
Tại ngày 31/12/2018	<u>-</u>

14 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Dự án B.O.T cầu đường Bình triệu 2	-	3.619.526.595
Các dự án khác	2.833.501.315	5.437.064.199
Cộng	<u>2.833.501.315</u>	<u>9.056.590.794</u>

CÔNG TY MẸ-CTY CP ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM

Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, quận 1, tp.HCM

15 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
a. Đầu tư vào công ty con		
Công ty CII B&R	1.255.417.159.414	1.250.893.797.031
Công ty Bắc Thủ Thiêm	1.500.000.000.000	921.631.000.000
Công ty SII	485.383.662.063	485.383.662.063
Công ty Điện Biên Phủ	270.020.000.000	270.000.000.000
Công ty CII E&C	249.116.738.331	238.752.980.331
Công ty Địa ốc Lữ gia	150.000.000.000	150.000.000.000
Công ty Bình Triệu	69.382.887.750	69.382.887.750
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty VPII	5.046.890.596	5.046.890.596
Cộng	3.994.367.338.154	3.401.091.217.771
b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		
	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty NBB	810.642.074.160	560.068.711.553
Công ty HNHC	519.380.000.000	248.704.000.000
Công ty CP Hòa Phú	33.000.000.000	33.000.000.000
Cộng	1.363.022.074.160	841.772.711.553
c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	3.187.515.563	32.044.913.132
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng	29.500.000.000	29.500.000.000
Công ty BOT Cầu Phú Mỹ	29.700.000.000	29.700.000.000
Công ty CP Du lịch Mê Kông - Mỹ Tho	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	67.387.515.563	96.244.913.132
c. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		
	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty CP Đầu tư và Phát triển xây dựng	(29.500.000.000)	(29.500.000.000)
d. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	-	79.673.766.741
Dài hạn		
Đầu tư trái phiếu	-	180.000.000.000
Cộng:	-	259.673.766.741

CÔNG TY MẸ-CTY CP ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM

Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, quận 1, tp.HCM

16 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	109.712.385	89.937.330
Chi phí bản quyền, phần mềm chờ phân bổ	-	140.579.390
Chi phí di dời văn phòng làm việc	463.248.484	-
Chi phí chờ phân bổ khác	238.253.396	-
Cộng	811.214.265	230.516.720

17 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
a. Ngắn hạn		
Công ty SII	141.300.373.374	2.660.462.296
Nhà cung cấp khác	1.082.102.154	4.515.946.649
	142.382.475.528	7.176.408.945
b. Dài hạn		
Công ty SII	-	141.295.510.800
Cộng	142.424.249.653	148.471.919.745
<i>Trong đó, phải trả cho các bên liên quan</i>		
Công ty SII	141.300.373.374	143.955.973.096
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng	-	355.048.709
Cộng	141.300.373.374	144.311.021.805

18 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2018 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2018 VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.128.422.395	1.240.199.455	-	888.222.940
Các khoản khác	487.393.921	487.393.921	-	-
Cộng	2.615.816.316	1.727.593.376	-	888.222.940
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	916.132.836	851.722.025	64.410.811
Thuế thu nhập cá nhân	1.391.011.476	4.319.303.551	5.146.711.341	563.603.686
Thuế nhà thầu	-	3.900.138.758	3.540.928.232	359.210.526
Các khoản khác	-	1.591.792.325	1.585.019.553	6.772.772
Cộng	1.391.011.476	10.727.367.470	11.124.381.151	993.997.795

CÔNG TY MẸ-CTY CP ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM

Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, quận 1, tp.HCM

19 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Kinh phí công đoàn	-	94.058.727
Bảo hiểm xã hội	-	196.184.455
Bảo hiểm y tế	74.933.871	-
Phải trả vốn hỗ trợ kinh doanh	1.909.198.268.955	1.248.525.042.823
Phải trả chi phí sử dụng vốn	18.259.506.502	24.262.454.707
Phải trả lãi trái phiếu	73.951.810.026	46.525.439.626
Phải trả lãi vay ngân hàng	3.673.477.357	4.328.066.077
Phải trả chi phí duy tu trạm thu phí	28.752.293.140	33.752.293.140
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.250.960.406	3.594.053.964
Vốn hợp tác đầu tư phải hoàn trả	-	101.641.887.273
Khoản thu hộ công ty Điện Biên Phủ	13.454.000.000	-
Phải trả lãi chậm thanh toán	24.264.744.321	8.750.810.623
Các khoản phải trả khác	49.640.000	16.113.165.966
Cộng	2.077.706.734.578	1.487.783.457.381



20 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2018	Phát sinh trong năm		01/01/2018
	Nợ gốc	Tăng	Giảm	Nợ gốc
Ngân hàng HDBank	300.000.000.000	300.000.000.000	299.000.000.000	299.000.000.000
Ngân hàng VP Bank - CN Tp. HCM	200.000.000.000	200.000.000.000	306.000.000.000	306.000.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - CN Cộng Hòa - TP. HCM	-	103.650.000.000	103.650.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - TP. HCM	-	99.800.000.000	99.800.000.000	-
Ngân hàng TMCP Bản Việt - CN Sài Gòn	-	-	71.068.671.233	71.068.671.233
Công ty CP Chứng Khoán Bản Việt	-	183.772.433.422	239.420.145.131	55.647.711.709
Ngân hàng TMCP Tiên Phong- CN TP. HCM	101.189.396.413	101.189.396.413	-	-
Các khách hàng cá nhân	272.085.725.670	281.585.725.670	9.500.000.000	-
Các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả	97.633.127.761	-	-	191.071.334.000
Trái Phiếu đến hạn	1.211.851.000.000	-	-	-
Cộng	2.182.759.249.844	1.269.997.555.505	1.128.438.816.364	922.787.716.942

CÔNG TY MẸ-CTY CP ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM

Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, quận 1, tp.HCM

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2018	Phát sinh trong năm		01/01/2018
	Nợ gốc	Tăng	Giảm	Nợ gốc
Các khoản vay dài hạn				
Ngân hàng TMCP Bản Việt - CN Sài Gòn	41.671.665.000	-	83.331.334.000	125.002.999.000
Ngân hàng TMCP Việt Á	55.961.462.761	-	50.038.537.239	106.000.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong- CN Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	25.000.000.000	25.000.000.000
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(97.633.127.761)	-	-	(191.071.334.000)
Cộng	-	-	158.369.871.239	64.931.665.000
Trái phiếu phát hành				
Trái phiếu hoán đổi cổ phần Công ty BOT Trung Lương-Mỹ Thuận phát hành năm 2015	462.851.000.000	-	-	462.851.000.000
Trái phiếu 650 tỷ phát hành cho Vietinbank năm 2014	69.000.000.000	1.304.000.000	6.000.000.000	73.696.000.000
Trái phiếu CII-BOND2017-03 phát hành ngày 26/07/2017	197.272.909.091	1.363.818.182	-	195.909.090.909
Trái phiếu CII-BOND2017-04 phát hành 15/8/2017	300.000.000.000	-	-	300.000.000.000
Trái phiếu CII 122020	298.400.000.000	238.400.000.000	-	60.000.000.000
Trái phiếu CII-BOND2018-01 phát hành ngày 23/03/2018	197.272.727.272	197.272.727.272	-	-
Trái phiếu CII072019	573.828.690.463	573.828.690.463	-	-
Trái phiếu BOND2018_02	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-
Trái phiếu BOND2018_02	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(1.211.851.000.000)	-	-	-
Cộng	1.086.774.326.826	1.212.169.235.917	6.000.000.000	1.092.456.090.909
Cộng vay và trái phiếu	1.086.774.326.826	1.212.169.235.917	164.369.871.239	1.157.387.755.909

LỊCH TRẢ NỢ VAY VÀ THUÊ TÀI CHÍNH*Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau*

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Trong vòng một năm	97.633.127.761	191.071.334.000
Trong năm thứ hai	-	64.931.665.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	-
	97.633.127.761	256.002.999.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(97.633.127.761)	(191.071.334.000)
Cộng	-	64.931.665.000

Các trái phiếu thường được hoàn trả theo lịch biểu sau

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Trong vòng một năm	1.211.851.000.000	-
Trong năm thứ hai	1.100.000.000.000	962.851.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	135.000.000.000
Sau năm năm	-	-
	2.311.851.000.000	1.097.851.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(1.211.851.000.000)	-
Trừ: Các khoản ghi nhận vào chi phí tài chính trong tương lai	(13.225.673.174)	(5.394.909.091)
Cộng	1.086.774.326.826	1.092.456.090.909

21 TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Trái phiếu chuyển đổi phát hành năm 2016 cho RAM	1.351.079.567.945	1.351.079.567.945
Trái phiếu chuyển đổi phát hành năm 2014	10.384.000.000	12.990.000.000
Cộng	1.361.463.567.945	1.364.069.567.945

LỊCH THANH TOÁN TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Trong vòng một năm	10.384.000.000	12.990.000.000
Trong năm thứ hai	452.349.333.333	454.568.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	904.698.666.667	902.480.000.000
Cộng	1.367.432.000.000	1.370.038.000.000
Trừ: Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu ghi nhận vào vốn chủ sở hữu	(5.968.432.055)	(5.968.432.055)
Cộng	1.361.463.567.945	1.364.069.567.945

CÔNG TY MẸ-CTY CP ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM

Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, quận 1, tp.HCM

22 VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/01/2017	2.748.282.370.000	380.201.352.877	-	(804.209.093.000)	160.185.827.426	405.353.787.487	2.889.814.244.790
Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu	49.781.780.000	4.984.220.000	-	-	-	-	54.766.000.000
Phát hành trái phiếu chuyển đổi	-	-	5.968.432.055	-	-	-	5.968.432.055
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	97.856.898.111	97.856.898.111
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(132.696.699.849)	(132.696.699.849)
Chia lợi nhuận hợp tác đầu tư cho CII B&R	-	-	-	-	-	31.032.528.097	31.032.528.097
Trích quỹ trong năm	-	-	-	-	32.828.130.533	(65.656.261.066)	(32.828.130.533)
Tại ngày 31/12/2017	2.798.064.150.000	385.185.572.877	5.968.432.055	(804.209.093.000)	193.013.957.959	335.890.252.780	2.913.913.272.671
Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu	2.368.580.000	237.420.000	-	-	-	-	2.606.000.000
Mua cổ phiếu trong kỳ	-	-	-	(47.788.780.500)	-	-	(47.788.780.500)
Phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP	30.000.000.000	-	-	-	-	-	30.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	42.171.533.629	42.171.533.629
Tại ngày 31/12/2018	2.830.432.730.000	385.422.992.877	5.968.432.055	(851.997.873.500)	193.013.957.959	378.061.786.409	2.940.902.025.800

CHI TIẾT CỔ PHẦN

	31/12/2018	01/01/2018
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	283.043.273	279.806.415
Số lượng cổ phần đã phát hành ra công chúng	283.043.273	279.806.415
+ Cổ phần phổ thông	283.043.273	279.806.415
Số lượng cổ phần đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	(35.329.870)	(33.561.510)
+ Cổ phần phổ thông	(35.329.870)	(33.561.510)
Số lượng cổ phần đang lưu hành	247.713.403	246.244.905
+ Cổ phần phổ thông	247.713.403	246.244.905
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần		

23 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
	VND	VND
Doanh thu thu phí giao thông trạm Xa lộ Hà nội hoàn vốn đầu tư dự án Cầu Rạch Chiếc	-	374.526.800.000
Doanh thu khác	471.943.636	-
Cộng	471.943.636	374.526.800.000
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>		
Giảm trừ chi phí đầu tư dự án Liên tỉnh lộ 25B	-	(19.969.303.068)
Hoàn nhập lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu dự án B.O.T	-	(21.224.674.610)
Doanh thu thuần	471.943.636	333.332.822.322

24 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
	VND	VND
Giá vốn hoạt động thu phí giao thông	102.688.257.307	294.309.652.907
Giá vốn hoạt động khác	-	-
Cộng	102.688.257.307	294.309.652.907

CÔNG TY MẸ-CTY CP ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM

Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, quận 1, tp.HCM

25 DOANH THU TÀI CHÍNH

	Quý 04		Lũy kế từ 01/01 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Cổ tức, lợi nhuận được chia	98.243.240.123	42.345.443.454	286.173.507.719	271.429.873.222
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	52.362.831.475	48.415.476.538	199.566.879.593	135.786.188.924
Lãi chậm thanh toán	-	-	-	3.978.112.304
Lãi đầu tư trái phiếu	1.950.000.000	4.600.000.000	15.600.000.000	11.001.388.889
Lợi nhuận đảm bảo từ các dự án hợp tác đầu tư	3.465.812.736	26.273.288.600	13.544.555.520	26.273.288.600
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-	385.081.830	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	-	-	110.600.000	-
Doanh thu tài chính khác		92.484.000	-	60.664.580
Cộng	156.021.884.334	121.726.692.592	515.380.624.662	448.529.516.519
<i>Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan</i>				
Công ty Điện Biên Phủ	4.528.359.794	3.500.000.000	17.879.412.693	13.600.000.000
Công ty CII E&C	-	6.215.373.867	8.224.754.963	34.860.499.514
Cầu đường Bình Triệu	353.547.945	-	353.547.945	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	1.717.746.097	600.000.000	1.717.746.097	3.504.425.775
Công ty CII B&R	20.798.269.710	24.714.819.858	74.562.025.609	140.163.814.051
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Hạ Tầng CII	-	-	10.000.000.000	12.000.000.000
Công ty Bắc Thủ Thiêm	75.000.000.000	13.500.000.000	188.000.000.000	23.398.525.000
Công ty HNHC	21.824.209.575	24.922.921.199	105.281.373.677	88.411.830.198
Công ty Địa ốc Lữ gia	-	202.591.667	6.287.332.972	10.803.760.417
Công ty CP BOT Trung Lương Mỹ Thuận	12.705.433.626	-	26.814.620.253	-
Công ty Vinaphil	-	-	-	9.741.264.428
Công ty NBB	6.265.838.560	38.130.300.084	23.167.818.001	69.073.194.319
Công ty SII	-	132.222.222	-	132.222.222
Ông Phùng Văn Hiền	-	-	392.764.025	-
Cộng	143.193.405.307	111.918.228.897	462.681.396.235	405.689.535.924

CÔNG TY MẸ-CTY CP ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM

Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, quận 1, tp.HCM

26 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý 04		Lũy kế từ 01/01 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	116.441.517.598	96.459.779.131	410.488.151.212	315.079.997.164
Chi phí chi phí bảo lãnh, phát hành trái phiếu (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	4.395.719.704	2.557.428.931	12.053.910.833	4.497.915.550
	-	(25.524.514.687)	-	340.550.585
Lỗ và chi phí thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	1.857.798.785	3.715.597.569	9.579.426.997
Lãi chậm thanh toán	3.241.004.728	3.286.018.683	12.858.333.976	8.750.810.623
Chi phí tài chính khác	1.717.176.548	721.366.734	3.021.184.399	2.379.471.568
Cộng	125.795.418.578	79.357.877.577	442.137.177.989	340.628.172.487

Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty CII B&R	2.996.728.583	4.204.259.117	17.291.496.395	18.499.026.929
Công ty CII E&C	9.378.641.210	9.851.539.610	25.231.924.729	25.704.823.129
Công ty SII	3.241.004.728	3.286.018.683	12.902.369.366	8.750.810.623
Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ gia	4.616.113.616	-	10.488.967.783	-
Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu	-	-	255.000.000	-
Công ty Bình Triệu	1.345.584.622	1.698.383.373	4.658.623.788	5.011.422.539
Công ty Điện Biên Phủ	1.426.938.324	6.798.437.769	6.026.140.824	11.397.640.269
Công ty Bắc Thủ Thiêm	19.600.221.884	6.147.974.035	64.667.689.812	11.047.671.259
Công ty VPPI	85.209.822	85.209.822	338.060.707	11.614.962.968
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Hạ Tầng CII	329.155.556	231.777.777	1.305.888.890	231.777.777
Công ty TNHH MTV Xây dựng dân dụng	251.753.424	-	251.753.424	-
Cộng	43.271.351.769	32.303.600.186	143.417.915.718	92.258.135.493

CÔNG TY MẸ-CTY CP ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM

Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, quận 1, tp.HCM

27 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Quý 04		Lũy kế từ 01/01 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí in vé thu phí giao thông	-	1.021.020.387	-	1.531.036.489
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	580.540.844	-	2.460.282.191
Cộng	-	1.601.561.231	-	3.991.318.680

28 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý 04		Lũy kế từ 01/01 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	4.963.224.131	7.670.798.190	18.309.027.104	32.375.666.459
Chi phí đồ dùng văn phòng	23.128.887	26.434.494	77.815.853	-
Chi phí khấu hao	86.273.619	59.538.884	291.625.000	203.008.064
Thuế, phí và lệ phí	260.785.282	(1.975.008.937)	908.986.610	422.458.045
(Hoàn nhập)/Chi phí dự phòng	-	-	-	379.536.324
Chi phí dịch vụ mua ngoài	(8.101.229.522)	1.577.680.112	4.587.879.107	7.320.068.176
Chi phí bằng tiền khác	163.432.883	356.999.833	534.564.256	1.062.965.195
Cộng	(2.604.384.720)	7.716.442.576	24.709.897.930	41.763.702.263

29 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

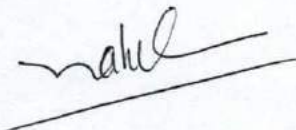
	Lũy kế từ 01/01/2018 đến 31/12/2018 VNĐ	Lũy kế từ 01/01/2017 đến 31/12/2017 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	43.411.733.084	214.659.847.842
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	333.032.307.125	7.835.171.618
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(299.718.063.239)	(297.703.161.822)
Thu nhập chịu thuế	76.725.976.970	(75.208.142.362)
Lỗi tính thuế năm trước mang sang	(75.208.142.362)	-
Thu nhập/(lỗi) tính thuế	1.517.834.408	-
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	303.566.922	-
Thuế TNDN năm trước bổ sung	936.632.533	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.240.199.455	-

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Thu nhập của Ban điều hành được hưởng trong kỳ như sau:

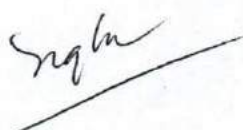
	Lũy kế từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Lũy kế từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
Lương	5.103.481.540	4.333.926.023
Thưởng và các khoản thu nhập khác	3.890.711.270	16.490.026.935
Cộng	8.994.192.810	20.823.952.958

Người lập biểu



NG.T.TUYẾT NHUNG

Kế toán trưởng



NG.T.MAI HƯƠNG

TPHCM ngày 22 tháng 07 năm 2019



Tổng Giám đốc

LÊ QUỐC BÌNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM**
Tầng 20, Tòa nhà SunWah, số 115 Nguyễn Huệ,
Quận 1, Tp.HCM
ĐT: 36221025 Fax: 36367100

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 55 /2019/CV-CII

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 1 năm 2019

V/v: giải trình chênh lệch kết quả hoạt động
kinh doanh Công ty Mẹ quý 4/2018

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.Hồ Chí Minh (CII) thông báo kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh quý 04 năm 2018 của Công ty Mẹ như sau:

Lợi nhuận sau thuế quý 04 năm 2018 lãi 28,7 tỷ đồng, tăng so với lợi nhuận đạt được quý 04 năm 2017 (7,2 tỷ đồng) là do: cổ tức lợi nhuận được chia trong kỳ tăng so với cùng kỳ năm ngoái.

Về định hướng phát triển của công ty trong giai đoạn 2019-2024, công ty vẫn sẽ tiếp tục nhiệm vụ trọng tâm là thực hiện đầu tư chuyên sâu vào từng lĩnh vực ngành nghề kinh doanh, sẽ góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư vốn và kiểm soát được rủi ro tốt hơn.

Chi tiết về báo cáo tài chính quý 04 năm 2018 của Công ty CII, vui lòng xem tại website: www.cii.com.vn.

Trân trọng.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

LÊ QUỐC BÌNH

Nơi gửi:

- Như trên
- Lưu: VP. P.TC-KT